

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma  
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 19.4.2023

---

VÌ ĐAU NÊN NỖI  
Kinh Kiết Sử (Sāmyojanasuttam)

Tập II – Thiên Nhân Duyên  
Chương I. Tương Ưng Nhân Duyên (b) - Phẩm Khổ (S.ii, 86)

*Qua lời Phật dạy thì chúng sanh sống khổ đau vì sự cột trói mà sự cột trói chính do phiền não tự tâm. Mười kiết sử là những thằng thúc tạo thành khổ ải trầm luân của mỗi chúng sanh. Chỉ có thể tự mình tháo gỡ. Bài kinh này đi xa hơn nói về nhân sanh của kiết sử là đắm chìm trong vị ngọt của ham muốn và dục vọng. Thân phận của chúng sanh đối với khổ đau có thể minh họa qua một câu trong Truyện Kiều: “Lại mang lấy một chữ tình, Khư khư mình buộc lấy mình vào trong”.*



**Kinh Văn**

Sāvattiyam viharati ...pe... “sāmyojaniyesu, bhikkhave, dhammesu assādānupassino viharato taṇhā pavaḍḍhati. Taṇhāpaccayā upādānaṃ; upādānapaccayā bhavo; bhavapaccayā jāti; jātipaccayā jarāmaṇaṃ sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti”.

“Seyyathāpi, bhikkhave, telaṅca paṭicca vaṭṭiṅca paṭicca telappadīpo jhāyeyya. Tatra puriso kālena kālam taṃ āsiṅceyya vaṭṭim upasaṃhareyya. Evañhi so, bhikkhave, telappadīpo tadāhāro tadupādāno ciram dīghamaddhānaṃ jaleyya. Evameva kho, bhikkhave, sāmyojaniyesu dhammesu assādānupassino viharato taṇhā pavaḍḍhati. Taṇhāpaccayā upādānaṃ; upādānapaccayā bhavo; bhavapaccayā jāti; jātipaccayā jarāmaṇaṃ sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti.

Ngự tại Sāvatti ...

-- Này chư Tỳ khuru, khi một người sống trong sự miên man đối với vị ngọt của các pháp kiết sử thì ái tăng thịnh; do duyên ái nên thủ tập khởi; do duyên thủ nên hữu tập khởi; do duyên hữu nên sanh tập khởi; do duyên sanh nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, ai tập khởi. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn tập khởi.

-- Này chư Tỳ khuru, giống như một ngọn đèn cháy sáng nhờ tim đèn và dầu. Một người thỉnh thoảng châm thêm dầu và khơi tim lên. Nhờ thêm dầu nên ngọn đèn cháy sáng lâu. Cũng vậy, khi một người sống trong sự miên man đối với vị ngọt của các pháp kiết sử thì ái tăng thịnh; do duyên ái nên thủ tập khởi; do duyên thủ nên hữu tập khởi; do duyên hữu nên sanh tập khởi; do duyên sanh nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, ai tập khởi. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn tập khởi.

**“Saṃyojaniyesu, bhikkhave, dhammesu ādīnavānupassino viharato taṇhā nirujjhati. Taṇhānirodhā upādānanirodho; upādānanirodhā bhavanirodho; bhavanirodhā jātinirodho; jātinirodhā jarāmaṇaṃ sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā nirujjhanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti.**

**“Seyyathāpi, bhikkhave, telaṅca paṭicca vaṭṭiṅca paṭicca telappadīpo jhāyeyya. Tatra puriso na kālena kālaṃ telaṃ āsiṅceyya na vaṭṭiṃ upasaṃhareyya. Evañhi so, bhikkhave, telappadīpo purimassa ca upādānassa pariyaḍānā aññassa ca anupahārā anāhāro nibbāyeyya. Evameva kho, bhikkhave, saṃyojaniyesu dhammesu ādīnavānupassino viharato taṇhā nirujjhati. Taṇhānirodhā upādānanirodho... pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti”ti. Tatiyaṃ.**

-- Này chư Tỳ khuru, khi một người sống trong sự suy tư đối với những nguy hiểm của những pháp kiết sử thì ái diệt; do duyên ái diệt nên thủ diệt; do duyên thủ nên hữu diệt; do duyên hữu nên sanh diệt; do duyên sanh nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, ai diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn đoạn diệt.

-- Này chư Tỳ khuru, giống như một ngọn đèn cháy sáng nhờ tim đèn và dầu. Một người không châm thêm dầu và không khơi tim lên. Do tim lụn, dầu cạn nên ngọn đèn tắt. Cũng vậy, khi một người sống khi một người sống trong sự suy tư đối với những nguy hiểm của những pháp kiết sử thì ái diệt; do duyên ái diệt nên thủ diệt; do duyên thủ nên hữu diệt khởi; do duyên hữu nên sanh diệt; do duyên sanh nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, ai diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn đoạn diệt.

## Chú Thích

*Kiết sử (saṃyojana) có nghĩa là sự cột trói hay thừng thúc. Những pháp này khiến chúng sanh không thể tự tại trong cách nhận thức, cách sống, và cách đạt đến hạnh phúc đích thực. Sự đoạn tận kiết sử trong từng công đoạn của hành trình giác ngộ giải thoát tạo nên 4 đạo và 4 quả. Mười kiết sử là thân kiến, nghi hoặc, giới cấm thủ, dục ái, sân, sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng dật, và vô minh.*

*Theo số giải cụm từ saṃyojanīyesu dhammesu – pháp kiết sử – ở đây chỉ cho duyên tạo nên mười kiết sử. Và cũng chú thích là “pháp kiết sử” ở đây chính là mong muốn và dục vọng. Có thể nói đây là một giải thích thú vị và ít gặp khi nói về nhân sanh kiết sử.*

*Tỳ khưu Giác Đăng soạn dịch*

### 3. Saṃyojanasuttaṃ

**53.** Sāvattīyaṃ viharati ...pe... “saṃyojanīyesu, bhikkhave, dhammesu assādanupassino viharato taṇhā pavaḍḍhati. Taṇhāpaccayā upādānaṃ; upādānapaccayā bhavo; bhavapaccayā jāti; jātipaccayā jarāmaṇaṃ sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti”.

“Seyyathāpi, bhikkhave, telaṅca paṭicca vaṭṭiṅca paṭicca telappadīpo jhāyeyya. Tatra puriso kālena kālaṃ telaṃ āsiṅceyya vaṭṭiṃ upasaṃhareyya. Evañhi so, bhikkhave, telappadīpo tadāhāro tadupādāno ciraṃ dīghamaddhānaṃ jaleyya. Evameva kho, bhikkhave, saṃyojanīyesu dhammesu assādanupassino viharato taṇhā pavaḍḍhati. Taṇhāpaccayā upādānaṃ; upādānapaccayā bhavo; bhavapaccayā jāti; jātipaccayā jarāmaṇaṃ sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti.

“Saṃyojanīyesu, bhikkhave, dhammesu ādīnavānupassino viharato taṇhā nirujjhati. Taṇhānirodhā upādānanirodho; upādānanirodhā bhavanirodho; bhavanirodhā jātinirodho; jātinirodhā jarāmaṇaṃ sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā nirujjhanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti.

“Seyyathāpi, bhikkhave, telaṅca paṭicca vaṭṭiṅca paṭicca telappadīpo jhāyeyya. Tatra puriso na kālena kālaṃ telaṃ āsiṅceyya na vaṭṭiṃ upasaṃhareyya. Evañhi so, bhikkhave, telappadīpo purimassa ca upādānassa pariyādānā aññaṃ ca anupahārā

anāhāro nibbāyeyya. Evameva kho, bhikkhave, saṃyojanīyesu dhammesu ādīnavānupassino viharato taṇhā nirujjhati. Taṇhānirodhā upādānanirodho... pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hotī'’ti. Tatiyaṃ.

### **3. Saṃyojanasuttavaṇṇanā**

**53.** Tatiye saṃyojanīyesūti dasannaṃ saṃyojanānaṃ paccayesu. **Jhāyeyyāti** jaleyya. **Telaṃ āsiñceyya vaṭṭiṃ upasaṃhareyyāti** dīpapaṭijagganatthaṃ telabhājanañca mahantañca vaṭṭikapālaṃ gahetvā samīpe niccaṃ ṭhitova tele khīṇe telaṃ āsiñceyya, vaṭṭiyā khīṇāya vaṭṭiṃ upasaṃhareyya. Sesamettha saddhiṃ opammaṣaṃsandanaena purimanayeneva veditabbaṃ. Tatiyaṃ.